

ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU HAY ỨNG DỤNG NHÌN TỪ MÔ HÌNH ĐÀO TẠO CỦA UNSW - AUSTRALIA TỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM

ĐÀO NGỌC ĐIỆP¹, LÊ ĐỨC TRUNG^{1*}

Tóm tắt

Bài viết giới thiệu hệ thống đào tạo sau đại học tại Đại học New South Wales (UNSW - Sydney), một trong những trường đại học hàng đầu của Australia. Qua khảo sát mô hình đào tạo Thạc sĩ ở UNSW, các tác giả đã phân tích những điểm tương đồng và khác biệt với hệ thống đào tạo thạc sĩ theo hướng ứng dụng và hướng nghiên cứu đang được triển khai ở Việt nam, dựa trên Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT đã được ban hành. Trên cơ sở đó bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ cho khối kỹ thuật tại trường Đại học Cửu Long, vừa đáp ứng xu hướng hội nhập quốc tế, vừa phù hợp với điều kiện của trường và quy định của Việt nam.

Từ khóa: chương trình; đào tạo; định hướng; thạc sĩ; nghiên cứu, ứng dụng, UNSW.

Abstract

MASTER DEGREE PROGRAM BY COURSE WORKS OR BY RESEARCH
– VIEWS FROM THE REGULATIONS FOR UNIVERSITIES IN VIETNAM
AND UNSW IN AUSTRALIA

This article introduces the system for post-graduate education at the University of New South Wales (UNSW–Sydney), one of the top-ranking universities in Australia. Basing on the investigation on the implementation of master degree programs in UNSW, it is valuable to analyse the similarities and the differences between the two systems, by comparing with the regulation on conducting the degree of masters in Vietnam with two directions: Master oriented for application and Master oriented for research. From the analysis, some suggestions are raised hoping that they are beneficial to the education of the degree in Vietnam in general, and at Cuu-Long University in particular.

Key words: master degree, programs, UNSW, regulation, application, reseach, orientation

¹Trường Đại học Cửu Long

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Lê Đức Trung (Email: leductrung@mku.edu.vn)

1. GIỚI THIỆU PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO SĐH TẠI UNSW-AUSTRALIA

1.1. Vài nét về Đại học New South Wales^[4]

Trường đại học New South Wales (viết tắt là UNSW) được thành lập từ năm 1949 có cơ sở chính tại thành phố Sydney, là một trong những trường đại học hàng đầu của Australia. Hiện tại UNSW là một trong ba trường của Australia nằm trong top 20 thế giới theo tiêu chí xếp hạng các trường đại học của QS World University Rankings^[5]. Các điểm mạnh của UNSW nằm ở các tiêu chí về nghiên cứu khoa học công nghệ (KHCN) và hợp tác quốc tế, phát triển bền vững và việc làm cho sinh viên khi ra trường.

UNSW có trên 40 trường thành viên (school) và viện nghiên cứu (institute), hoạt động đào tạo và nghiên cứu trên các lĩnh vực chính bao gồm: Khoa học cơ bản (tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ), Kỹ thuật công nghệ, Quản trị kinh doanh, Luật, Y tế-sức khỏe, Nghệ thuật và kiến trúc. Tại đây thường xuyên có trên 60.000 sinh viên đến từ trên 130 nước trên thế giới đang học tập và nghiên cứu.

Về đào tạo sau đại học, UNSW có khoảng



Hình 1. Tòa nhà thư viện của UNSW

400 chương trình đào tạo (CTĐT) sau đại học ở tất cả các lĩnh vực từ khoa học cơ bản, kỹ thuật - công nghệ, quản trị kinh doanh - kinh tế - tài chính - thương mại, nông lâm nghiệp, y dược, giáo dục, khoa học xã hội, luật pháp, văn hoá - nghệ thuật, kiến trúc, ngôn ngữ ... Đào tạo sau đại học được chia thành ba bậc học: Diploma (Bằng đại học nâng cao), Master (thạc sĩ) và PhD (Tiến sĩ).

1.2. Đào tạo thạc sĩ tại UNSW

Với bậc thạc sĩ (Master degree), người học có thể chọn một trong hai hướng tùy theo năng lực và nhu cầu: học theo khóa học thạc sĩ thông thường (trước đây thường gọi là *Master by course work*, nay được gọi đơn giản là *Master*) hoặc học theo định hướng nghiên cứu (trước đây được gọi là *Master by research*, nay đơn giản là *Master research*). Sau khi hoàn thành khóa học, người học được cấp bằng *Master* cho hệ thông thường hoặc *Master of Philosophy* (MPhil) cho thạc sĩ định hướng nghiên cứu. UNSW nói riêng và các trường đại học của Australia nói chung không dùng thuật ngữ *thạc sỹ ứng dụng*.

Đa số học viên chọn theo chương trình *Master*. Chỉ có một số ít (khoảng 10%-20% tổng số học viên) chọn chương trình *Master research* là những học viên có định hướng chuyển tiếp lên bậc học PhD, đồng thời phải đáp ứng một số tiêu chí nhất định về năng lực nghiên cứu, như tốt nghiệp xuất sắc bậc đại học, hoặc đã từng tham gia các đề tài dự án KHCN, có bài báo đăng trên tạp chí. Thời gian hoàn thành khóa học để có bằng *Master* hoặc *Master of Philosophy* trung bình khoảng 2 năm, với chương trình bố trí khoảng tối thiểu 40 tín chỉ (*credit*), chưa kể thời lượng thực hành cho mỗi học phần lý thuyết. Tuy nhiên do chương trình đào tạo theo tín chỉ, nên thời gian để lấy bằng *Master* có thể rút ngắn xuống 1,5 năm hoặc kéo dài tùy lựa chọn của người học. Để

lấy bằng *Master of Philosophy* thường cần thời gian không dưới 2 năm.

Học viên theo chương trình *Master research* cần phải có định hướng đề tài nghiên cứu và được bố trí thầy hướng dẫn (supervisor) ngay từ khi mới nhập học. Trong lúc đó, học viên theo chương trình *Master* thông thường tới học kỳ thứ hai mới cần chọn đề tài tốt nghiệp và được bố trí thầy hướng dẫn.

Phân bố thời gian làm đề tài tốt nghiệp có khác biệt giữa hai chương trình: *Master research* dành tối thiểu 50% thời lượng (18 tín chỉ trở lên) cho làm đề tài nghiên cứu. Trong lúc đó, chương trình *Master* thông thường chỉ yêu cầu đề tài nhỏ (6 tín chỉ) hoặc đề tài trung bình (12 tín chỉ) cho báo cáo tốt nghiệp.

Các trường đại học của Australia thường không quy định phải tổ chức bảo vệ luận văn (khóa luận) tốt nghiệp. Thay cho bảo vệ tốt nghiệp thì học viên theo chương trình *Master* cần trình bày kết quả đề tài dưới hình thức báo cáo Seminar (hội nghị chuyên đề, được tổ chức

trong mỗi khóa học), xem như một học phần bắt buộc. Học viên theo chương trình *Master research* có yêu cầu cao hơn, ngoài báo cáo seminar còn cần phải có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc có tham gia báo cáo ở một hội thảo chuyên ngành. Kết thúc khóa học, luận văn tốt nghiệp chỉ cần được đánh giá bởi người hướng dẫn và người phản biện, với các mức xuất sắc (high distinction), giỏi (distinction), tốt (good), khá (credit), trung bình (pass) và trượt (fail).

Cuối cùng, học viên có bằng *Master of Philosophy* có thể chuyển tiếp lên chương trình đào tạo tiến sĩ (PhD) mà không cần qua đánh giá đầu vào. Trong khi đó học viên có bằng *Master* muốn học tiếp chương trình PhD cần được đánh giá và chấp nhận bởi khoa chuyên môn.

Như vậy, sự khác biệt giữa đào tạo theo hai hướng thạc sĩ (Master) và thạc sĩ nghiên cứu (MPhil) tại UNSW có thể được tóm tắt trong bảng 1.

Bảng 1: So sánh chương trình đào tạo thạc sĩ thông thường và định hướng nghiên cứu tại UNSW–Australia

Nội dung	Master degree	Master of Philosophy (MPhil)
Tiêu chuẩn đầu vào:	- Ngành học phù hợp hoặc phải học thêm học phần; - Học bậc đại học đạt loại khá trở lên,	- Ngành học phù hợp; - Học bậc đại học đạt loại giỏi trở lên, hoặc có thành tích trong nghiên cứu KHCN; - Có hướng đề tài nghiên cứu.
Thời gian đào tạo:	1,5 – 2 năm	2 năm trở lên
Thời điểm nghiên cứu:	Từ học kỳ 2	Ngay từ khi nhập học (HK1)
Thời lượng cho nghiên cứu:	20 %-30%	Hơn 50%
Đề tài tốt nghiệp (project):	Đề tài nhỏ (6 – 12 credit)	(tối thiểu 18 credit)
Yêu cầu báo cáo:	Tại seminar của khóa học	Tại hội nghị khoa học hoặc có bài đăng tạp chí chuyên ngành
Điều kiện học lên PhD:	Phải kiểm tra đầu vào	Không cần kiểm tra đầu vào



2. QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM

Khung trình độ quốc gia Việt Nam ^[1] gồm 7 bậc đào tạo, trong đó yêu cầu chung cho chuẩn đầu cấp thạc sĩ là người được cấp bằng phải có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến;

kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

Bảng 2: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bậc thạc sĩ tại Việt Nam ^[3]

Chuẩn đầu ra		
Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. - Kiến thức liên ngành có liên quan. - Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; - Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. - Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. - Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. - Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Qui chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT qui định “Chương trình đào tạo thạc sĩ do cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia

Việt Nam và Qui định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT”. Sự khác biệt giữa chương trình đào tạo (CTĐT) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng theo thông tư được tóm tắt trong bảng 3.

Bảng 3: Khác biệt giữa CTĐT định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng

Nội dung	Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Yêu cầu đầu vào người học	Tốt nghiệp ĐH loại Khá trở lên, hoặc có công bố khoa học liên quan	Không yêu cầu
Chuẩn CTĐT (60 tín chỉ)	Trong đó phải có 24 đến 30 tín chỉ làm NCKH (gồm luận văn 12 đến 15 tín chỉ, và 12 đến 15 tín chỉ làm các đồ án, dự án, chuyên đề khác).	Gồm đề án tốt nghiệp 6 đến 9 tín chỉ và 6 đến 9 tín chỉ thực tập.
Học phần tốt nghiệp	Viết Luận văn tốt nghiệp (12 đến 15 tín chỉ), thời gian ít nhất 6 tháng	Viết Báo cáo Đề án (Đồ án, Dự án) tốt nghiệp, 6 đến 9 tín chỉ, thời gian ít nhất 3 tháng
Yêu cầu về chuyên môn, học thuật của Luận văn/Đề án tốt nghiệp	- Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; - Thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên	- Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết thách thức trong thực tiễn; - Thể hiện năng lực ứng dụng khoa học công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên.
Yêu cầu về Hình thức, nội dung Luận văn/Đề án tốt nghiệp	Báo cáo khoa học tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính.	Thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả đề án.
Yêu cầu về người hướng dẫn	Phải là Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp; có kết quả nghiên cứu liên quan trong 5 năm.	Không bắt buộc.
Văn bằng tốt nghiệp	- Thạc sĩ; - Phụ lục văn bằng (bảng điểm) ghi: Chương trình định hướng nghiên cứu.	- Thạc sĩ; - Phụ lục văn bằng (bảng điểm) ghi: Chương trình định hướng ứng dụng.

3. THẢO LUẬN

Những trường đại học quốc tế như UNSW thường có quy định rõ ràng và khác biệt giữa CTĐT thạc sĩ định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng, khác nhau trong tuyển chọn học viên, chuẩn đầu vào, đầu vào, thời lượng, nội dung CTĐT, cách thức kiểm tra đánh giá đầu ra; trong đó có việc định hướng nội dung và tên cho luận văn (nghiên cứu) hay đề tài (ứng dụng).

Yêu cầu đảm bảo về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất cho nghiên cứu KHCN và học

liệu thực hiện chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu cao hơn, khắt khe hơn chương trình định hướng ứng dụng. Người học phải có đề tài và người hướng dẫn ngay khi bắt đầu khóa học. Đề cương luận văn phải hướng đến mục đích có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Trong báo cáo luận văn, học viên phải trình bày đầy đủ cơ sở khoa học (lý thuyết, thực tiễn), qui trình và kết quả nghiên cứu, những đóng góp của luận văn. Đây là căn cứ quan trọng nhất cần xem xét khi chấm, đánh giá luận văn.

CTĐT thạc sĩ định hướng ứng dụng dành thời lượng đáng kể cho học viên thực hành và tham quan thực tế; Các môn học đều có bài thực hành kèm theo. Đề tài tốt nghiệp hướng về việc tìm giải pháp cho một vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Kết quả áp dụng các giải pháp, mô hình trong thực tế làm căn cứ chính để chấm điểm, đánh giá luận án tốt nghiệp.

Trong xu hướng mở rộng đào tạo sau đại học hiện nay, định hướng ứng dụng là lựa chọn phổ biến với đa số người học thạc sĩ, ngay cả ở những trường có truyền thống nghiên cứu. Định hướng nghiên cứu thường dành cho các ngành đã, đang hoặc chuẩn bị đào tạo tiến sĩ, phù hợp với các trường, khoa có thế mạnh về tiềm lực giảng viên, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, số lượng và chất lượng các công trình NCKH đã công bố.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

So sánh mô hình đào tạo thạc sĩ tại Australia và Việt nam cho thấy có nhiều điểm tương đồng hơn là điểm khác biệt. Sự khác biệt chủ yếu ở quan niệm và quy định về định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng. Trong đó, quy định về chuẩn đầu vào đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu ở Australia cao hơn và cụ thể hơn so với quy định ở Việt nam.

Giữa trường ĐHCL và UNSW mặc dù có sự khác biệt rất lớn về quá trình phát triển, quy mô đào tạo, cơ sở vật chất cùng đội ngũ giảng viên; tuy nhiên hai trường lại rất giống nhau ở tính đa dạng ngành nghề và có thể tương đồng về sứ mạng, mục tiêu đào tạo. Trên cơ sở đó, chúng tôi có một số đề xuất như sau:

1) Theo chủ trương của Bộ GD-ĐT, trường ĐHCL cần xây dựng hoàn chỉnh hai CTĐT thạc sĩ theo hai định hướng đã nêu. Tuy nhiên, trường nên tập trung thực hiện các chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng (*Master*), đặc biệt đối với các ngành thuộc khối kỹ thuật-công nghệ và sức khỏe,

phù hợp với vị trí và điều kiện hiện có của trường. Vì vậy nên nâng tiêu chuẩn đầu vào cao học theo hướng nghiên cứu để chỉ có ít người học có khả năng thực sự mới theo hướng này, tập trung cho hướng ứng dụng.

2) Để thu hút được người học cao học đối với các ngành KT-CN cần tiếp tục đầu tư trang thiết bị thực hành theo chiều sâu, sao cho mỗi môn học cơ sở ngành hoặc chuyên ngành đều có các bài thực hành kèm theo.

3) Chương trình đào tạo theo hướng nghiên cứu (*Master research*) trước mắt chỉ nên thực hiện với một số ngành như khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, luật. Khi thực hiện CTĐT thạc sĩ nghiên cứu, nên sớm phân công giảng viên hướng dẫn và sớm tổ chức seminar giới thiệu, góp ý chỉnh sửa đề tài, chuẩn bị điều kiện nghiên cứu thuận lợi cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- [2] Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình đào tạo của giáo dục đại học.
- [3] Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.
- [4] <https://www.unsw.edu.au/>
- [5] <https://www.topuniversities.com/university-rankings> “QS World University Rankings”
- [6] <https://face.edu.vn/dai-hoc-va-sau-dai-hoc-tai-uc.html>. “Đại học và Sau đại học tại Úc”

Ngày nhận bài: 27/02/2024

Ngày gửi phản biện: 06/03/2024

Ngày duyệt đăng: 08/03/2024